

## BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN ĐỊA LÍ 9 NĂM 2021-2022

### 1. Đề cương ôn thi giữa HK1 Địa lí 9

#### ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 9 NĂM HỌC 2021 - 2022

##### A. Câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 1:** Công cuộc Đổi mới ở nước ta đã được triển khai từ năm:

- A. 1975    B. 1981  
C. 1986    D. 1996

**Câu 2:** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thể hiện ở:

- A. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung và phía Nam.  
B. Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.  
C. Chuyển dịch cơ cấu ngành, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.  
D. Hình thành các khu trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp mới.

**Câu 3:** Cả nước hình thành các vùng kinh tế năng động thể hiện:

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP của nền kinh tế.  
B. Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.  
C. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.  
D. Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

**Câu 4:** Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là:

- A. Phía Bắc, miền Trung và phía Nam.  
B. Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.  
C. Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

**Câu 5:** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.
- B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.
- C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.
- D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**Câu 6:** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế:

- A. Từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế tập trung nhà nước và tập thể.
- B. Cả nước hình thành 3 vùng kinh tế phía Bắc, miền Trung và phía Nam.
- C. Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.
- D. Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

**Câu 7:** Ý nào sau đây không phải là thành tựu của nền kinh tế nước ta khi tiến hành đổi mới:

- A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.
- B. Chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn.
- C. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo tích cực.
- D. Hội nhập nền kinh tế khu vực và toàn cầu diễn ra nhanh chóng.

**Câu 8:** Chuyển dịch cơ cấu ngành của nước ta đang diễn ra theo xu hướng ?

- A. Tăng tỉ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, giảm tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ.
- B. Tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng, giảm tỉ trọng của khu vực nông nghiệp và khu vực dịch vụ.
- C. Tăng tỉ trọng của khu vực dịch vụ, giảm tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp.
- D. Giảm tỉ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ.

**Câu 9:** Ý nào sau đây không phải là thách thức của nền kinh tế nước ta khi tiến hành đổi mới:

- A. Sự phân hoá giàu nghèo và tình trạng vẫn còn các xã nghèo, vùng nghèo.
- B. Nhiều loại tài nguyên đang bị khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm.
- C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.
- D. Những bất cập trong sự phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

**Câu 10:** Mỗi năm bình quân nguồn lao động nước ta có thêm:

- A. 0,5 triệu lao động
- B. 0,7 triệu lao động
- C. Hơn 1 triệu lao động
- D. gần hai triệu lao động

**Câu 11:** Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là:

- A. Đất đai
- B. Khí hậu
- C. Nước
- D. Sinh vật

**Câu 12:** Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa và rau trong một năm là nhờ:

- A. Có nhiều diện tích đất phù sa.
- B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Có mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc.
- D. Có nguồn sinh vật phong phú.

**Câu 13:** Khu vực có diện tích đất phù sa lớn nhất nước ta là:

- A. Các vùng trung du và miền núi.
- B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- C. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Các đồng bằng ở duyên hải Miền Trung.

**Câu 14:** Hạn chế của tài nguyên nước ở nước ta là:

- A. Chủ yếu là nước trên mặt, nguồn nước ngầm không có.
- B. Phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.
- C. Phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.
- D. Khó khai thác để phục vụ nông nghiệp vì hệ thống đê ven sông.

**Câu 15:** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì:

- A. Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.
- B. Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.
- C. Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.
- D. Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**Câu 16:** Nền nông nghiệp nước ta mang tính mùa vụ vì:

- A. Tài nguyên đất nước ta phong phú, có cả đất phù sa lẫn đất feralit.
- B. Nước ta có thể trồng được các loại cây nhiệt đới đến cây cận nhiệt và ôn đới.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa theo mùa.
- D. Lượng mưa phân bố không đều trong năm.

**Câu 17:** Tài nguyên sinh vật có ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp vì:

- A. Cây trồng và vật nuôi là đối tượng hoạt động của nông nghiệp.
- B. Sinh vật là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông nghiệp.
- C. Đây là nguồn cung cấp hữu cơ để tăng độ phì cho đất.
- D. Thực vật là nguồn thức ăn quan trọng phục vụ chăn nuôi.

**Câu 18:** Thuận lợi của khí hậu mang tính nhiệt đới ẩm nước ta là:

- A. Lượng mưa phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.
- B. Tạo ra sự phân hóa đa dạng giữa các vùng miền của đất nước.

- C. Nguồn nhiệt ẩm dồi dào làm cho sâu, dịch bệnh phát triển.
- D. Tình trạng khô hạn thường xuyên diễn ra vào các mùa khô nóng.

**Câu 19:** Mở rộng thị trường có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp:

- A. Thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.
- B. Thu hẹp sản xuất, chuyên môn hóa sản phẩm nông nghiệp
- C. Tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.
- D. Khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất nông nghiệp.

**Câu 20:** Hiện nay nhà nước đang khuyến khích:

- A. Khai hoang chuyên đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp.
- B. Phát triển một nền nông nghiệp hướng ra xuất khẩu.
- C. Đưa nông dân vào làm ăn trong các hợp tác xã nông nghiệp.
- D. Tăng cường độc canh cây lúa nước để đẩy mạnh xuất khẩu gạo.

**Câu 21:** Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lao động nước ta:

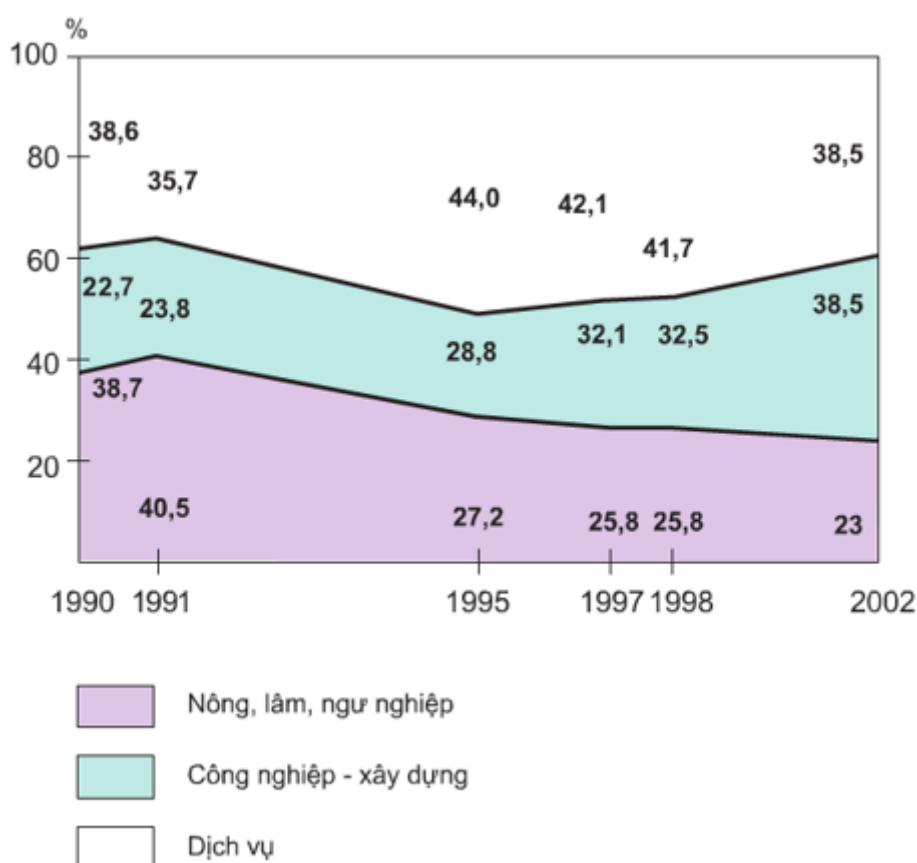
- A. Dồi dào, tăng nhanh
- B. Tăng chậm
- C. Hầu như không tăng
- D. Dồi dào, tăng chậm

**Câu 22:** Thế mạnh của lao động Việt Nam là:

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp.
- B. Có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật.
- C. Chất lượng nguồn lao động đang được cải thiện.
- D. Cả A, B, C, đều đúng.

**Câu 23:** Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU GDP TỪ NĂM 1990 ĐẾN NĂM 2002



Nhận định nào sau đây đúng:

- A. Giảm tỉ trọng khu vực nghiệp khu vực công nghiệp - xây dựng. Tăng tỉ trọng nông lâm ngư. Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.
- B. Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp. Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng. Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.
- C. Giảm tỉ trọng khu vực dịch vụ. Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng. Khu vực nông lâm ngư nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.
- D. Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp. Tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ. Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

**Câu 24:** Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:

- A. Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động.
- B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.
- C. Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật.

**Câu 25:** Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng:

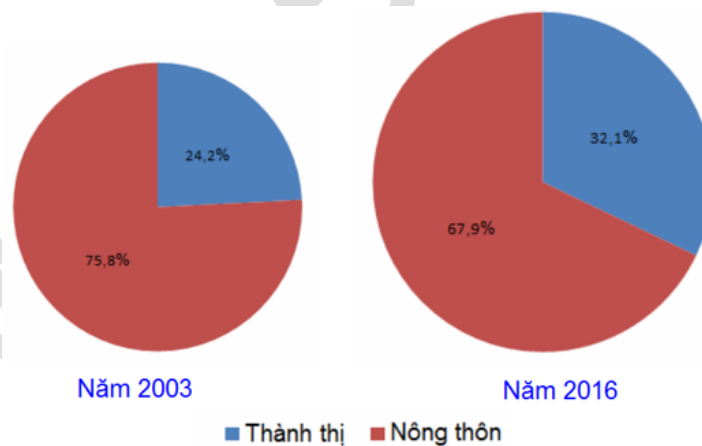
- A. Giảm tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp, tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tăng.
- B. Tăng tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp, tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ giảm.
- C. Giảm tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp và công nghiệp, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng.
- D. Tăng tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp và công nghiệp, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng.

**Câu 26:** Để giải quyết vấn đề việc làm không cần có biện pháp nào?

- A. Phân bố lại dân cư và lao động.
- B. Đa dạng các hoạt động kinh tế ở nông thôn.
- C. Đa dạng các loại hình đào tạo.
- D. Chuyển hết lao động nông thôn xuống thành thị.

**Câu 27:** Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN

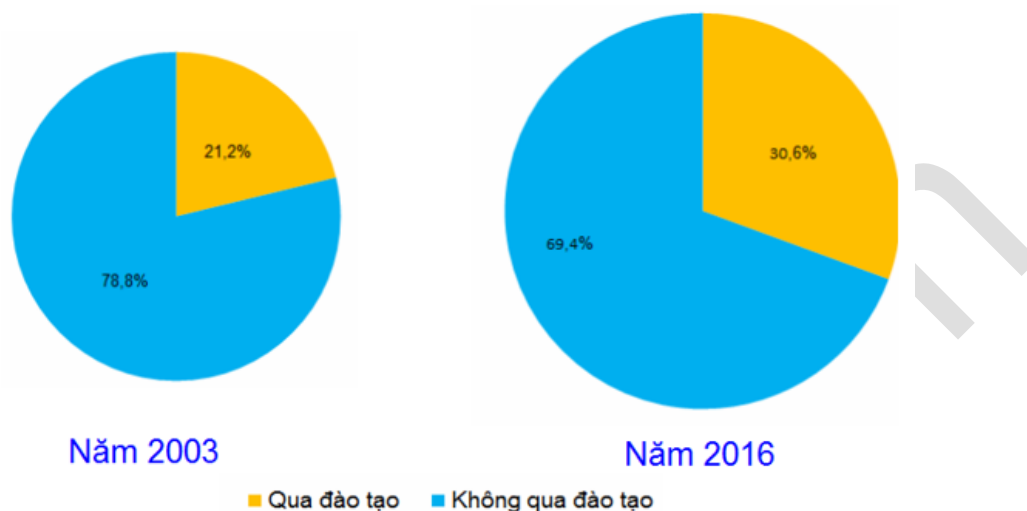


Nhận định nào sau đây đúng:

- A. Tỉ lệ lao động thành thị tăng qua các năm.
- B. Tỉ lệ lao động nông thôn tăng qua các năm.
- C. Tỉ lệ lao động nông thôn và thành thị đồng đều.
- D. Tỉ lệ lao động nông thôn nhỏ hơn ở thành thị.

**Câu 28:** Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO ĐÀO TẠO



Nhận định nào sau đây không đúng:

- A. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng qua các năm.
- B. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo giảm qua các năm.
- C. Tỷ lệ lao động phân theo đào tạo đồng đều.
- D. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nhỏ hơn không qua đào tạo.

**Câu 29:** Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh:

- A. Tương đối thấp
- B. Trung bình
- C. Cao
- D. Rất cao

**Câu 30:** Sự gia tăng dân số nước ta hiện nay không có đặc điểm:

- A. Tỷ lệ sinh tương đối thấp và đang giảm chậm
- B. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số khác nhau giữa các vùng.
- C. Mỗi năm dân số nước ta tăng lên khoảng một triệu người.
- D. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên ở đồng bằng cao hơn ở miền núi và nông thôn.



**Câu 31:** Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta chấm dứt trong khoảng thời gian nào?

- A. Những năm cuối thế kỉ XIX.
- B. Những năm cuối thế kỉ XX.
- C. Những năm đầu thế kỉ XIX.
- D. Những năm đầu thế kỉ XX.

**Câu 32:** Dân số thành thị tăng nhanh, không phải vì:

- A. Gia tăng tự nhiên cao
- B. Do di dân vào thành thị
- C. Do tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ
- D. Nhiều đô thị mới hình thành

**Câu 33:** Nước ta có cơ cấu dân số:

- A. Cơ cấu dân số trẻ.
- B. Cơ cấu dân số già.
- C. Cơ cấu dân số ổn định.
- D. Cơ cấu dân số phát triển.

**Câu 34:** Dân số ở nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi đặt ra những vấn đề cấp bách nào?

- A. Xây dựng các nhà dưỡng lão, các khu dân trí.
- B. Văn hóa, y tế, giáo dục và giải quyết việc làm trong tương lai.
- C. Giải quyết việc làm, vấn đề xã hội, an ninh.
- D. Các vấn đề trật tự an ninh và các vấn đề văn hóa, giáo dục.

**Câu 35:** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:

- A. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.
- B. Môi Trường, chất lượng cuộc sống.
- C. Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

D. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**Câu 36:** Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là:

- A. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.
- B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.
- C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng.
- D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 37:** Sự phân bố của các dân tộc chủ yếu do:

- A. Điều kiện tự nhiên.
- B. Tập quán sinh hoạt và sản xuất.
- C. Nguồn gốc phát sinh.
- D. Chính sách của nhà nước.

**Câu 38:** Các dân tộc ít người chủ yếu sống tập trung ở:

- A. Đồng bằng
- B. Miền núi
- C. Trung du
- D. Duyên Hải

**Câu 39:** Người Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở đâu:

- A. Đồng bằng, duyên hải
- B. Miền Núi
- C. Hải đảo
- D. Nước Ngoài

**Câu 40:** Trung du miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc:

- A. Tày, Nùng, Dao, Thái, Mông.
- B. Tây, Nùng, Ê – Đê, Ba – Na.

C. Tày, Mường, Gia-rai, Mơ nông.

D. Dao, Nùng, Chăm, Hoa.

### ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	B	D	A	B	D	B	D	C	C
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	B	C	C	B	C	A	B	A	B
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	D	B	A	A	D	A	A	A	D
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	A	A	B	D	A	B	B	A	A

### B. Câu hỏi tự luận

**Bài 1:** Căn cứ vào bảng 4.2

Bảng 4.2: CẤU CẢU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

	2000	2004	2006	2010
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0

Khu vực nhà nước	9,3	9,9	9,1	10,4
Các khu vực khác	90,7	90,1	90,9	89,6

Nhận xét về sự thay đổi trong cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta và ý nghĩa của sự thay đổi đó.

#### Lời giải:

Cơ cấu lao động kinh tế theo thành phần kinh tế của nước ta rất đa dạng gồm khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước. Trong đó lao động chủ yếu đang hoạt động ở khu vực ngoài nhà nước.

Trong giai đoạn 2000-2010, cơ cấu lao động kinh tế theo thành phần kinh tế của nước ta có sự thay đổi, nhìn chung giảm nhẹ tỉ trọng khu vực lao động ở khu vực ngoài nhà nước từ 90,7% xuống còn 89,6%, tăng nhẹ lao động khu vực nhà nước từ 9,3% lên 10,4%.

Ý nghĩa: phát huy được tất cả các nguồn lực để phát triển kinh tế với cơ cấu đa dạng nhiều thành phần, nhưng nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.

#### Bảng 4.3. TỈ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ TỈ LỆ THIẾU VIỆC LÀM CỦA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐỘ TUỔI CỦA NƯỚC TA VÀ CÁC VÙNG QUA CÁC NĂM

(Đơn vị:%)

		Tỉ lệ thất nghiệp		Tỉ lệ thiếu việc làm
		Thành thị	Nông thôn	
Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	
Cả nước	3,60	1,6	1,58	3,56
Đồng bằng sông Hồng	3,41	1,41	1,46	3,90
Đồng bằng sông Cửu Long	3,37	2,59	2,83	5,39

Nhận xét tình hình thất nghiệp và thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn của cả nước, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

#### Lời giải:

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn ở nông thôn, còn tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn thành thị ở phạm vi cả nước, Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
- Tỷ lệ thất nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng cao hơn đồng bằng sông Cửu Long, tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn cũng như thiếu việc làm của Đồng bằng sông Hồng thấp hơn đồng bằng sông Cửu Long.

**Bài 2:** Căn cứ vào bảng 4.4

Bảng 4.4. THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI TRÊN THÁNG THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA CÁC KHU VỰC NƯỚC TA, NĂM 2010.

(Đơn vị: nghìn đồng)

Vùng	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
Thu nhập	1387	2130	1070

Nhận xét sự chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn so với trung bình cả nước.

**Lời giải:**

Thu nhập bình quân trên đầu người của nước ta năm 2010 là 1387 nghìn đồng/người/tháng. Tuy nhiên có sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn:

- Thành thị: Thu nhập bình quân trên đầu người của khu vực thành thị cao hơn trung bình cả nước năm 2010 là 2130 nghìn đồng/người/tháng.
- Nông thôn: Thu nhập bình quân trên đầu người của khu vực nông thôn thấp hơn trung bình cả nước, năm 2010 là 1070 nghìn đồng/người/tháng.

Như vậy khu vực thành thị có mức thu nhập trung bình cao hơn khu vực nông thôn.

**Bài 3:** Dựa vào bảng 4.5

Bảng 4.5. TỶ LỆ HỘ NGHÈO PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN VÀ PHÂN THEO VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2008

(Đơn vị: %)

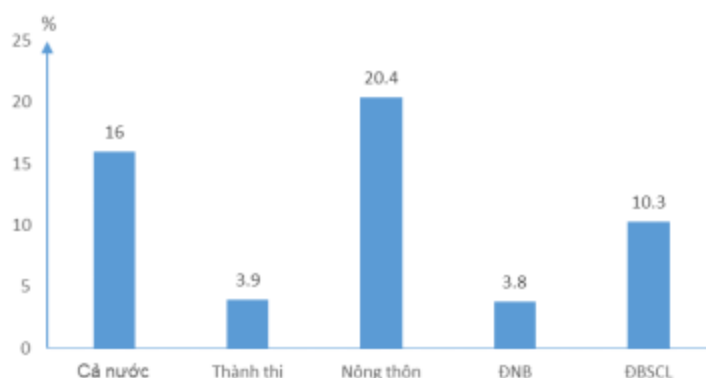
Khu vực	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	ĐNB	ĐBSCL
---------	---------	-----------	-----------	-----	-------

Tỉ lệ hộ nghèo	16,0	3,9	20,4	3,8	10,3
----------------	------	-----	------	-----	------

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ hộ nghèo của cả nước, thành thị, nông thôn, của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Qua biểu đồ nhận xét sự chênh lệch về tỉ lệ hộ nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

**Lời giải:**



b)

Tỉ lệ hộ nghèo của nước ta có sự khác nhau giữa các vùng:

- Giữa thành thị và nông thôn: Nông thôn có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn thành phố, năm 2008, tỉ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn là 20,4% còn thành thị là 3,9%.
- Giữa Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long: Đông Nam bộ thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long, năm 2008, tỉ lệ hộ nghèo ở khu vực Đông Nam Bộ là 3,8%, Đồng bằng sông Cửu Long là 10,3%.

**Bài 4:** Căn cứ vào bảng 4.1

Bảng 4.1. CƠ CẤU ĐANG LÀM VIỆC TẠI THỜI ĐIỂM 1/7 HÀNG NĂM THEO CÁC NGÀNH KINH TẾ Ở NƯỚC TA, NĂM 2010.

(Đơn vị: %)

	1989	2010
--	------	------

Nông – lâm – ngư nghiệp	71,5	49,5
Công nghiệp – xây dựng	11,2	20,9
Dịch vụ	17,3	29,6

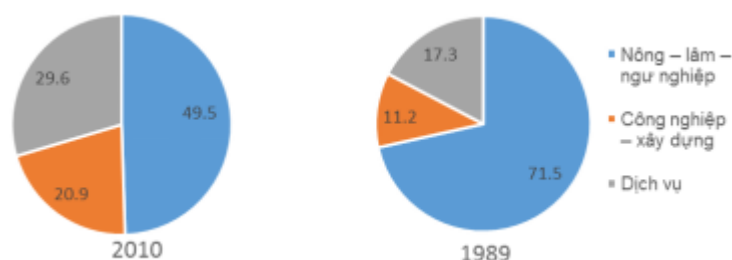
a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo các ngành ở nước ta, năm 1989 và năm 2010.

b) Căn cứ vào biểu đồ, hãy nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta từ năm 1989 đến năm 2010.

### Lời giải:

a)

Biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo các ngành ở nước ta, năm 1989 và năm 2010.



b) Nhận xét:

- Lao động nước ta chủ yếu ở khu vực Nông- lâm- ngư nghiệp, năm 2010 lao động trong khu vực nông - lâm- ngư nghiệp là 49,5% lao động cả nước.

- Từ năm 1989 đến năm 2010 tỉ trọng lao động của nước ta có sự thay đổi:

+ Tăng tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, khu vực công nghiệp 11,2% (1989) lên 20,9%(năm 2010); dịch vụ tăng từ 17,3% (năm 1989) lên 29,6% (năm 2010).

+ Giảm tỉ trọng lao động trong khu vực nông- lâm- ngư nghiệp từ 71,5%(1989) xuống 49,5% (2010).

**Bài 5:** Dựa vào bảng 2.1

Bảng 2.1. DÂN SỐ VIỆT NAM QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn người)

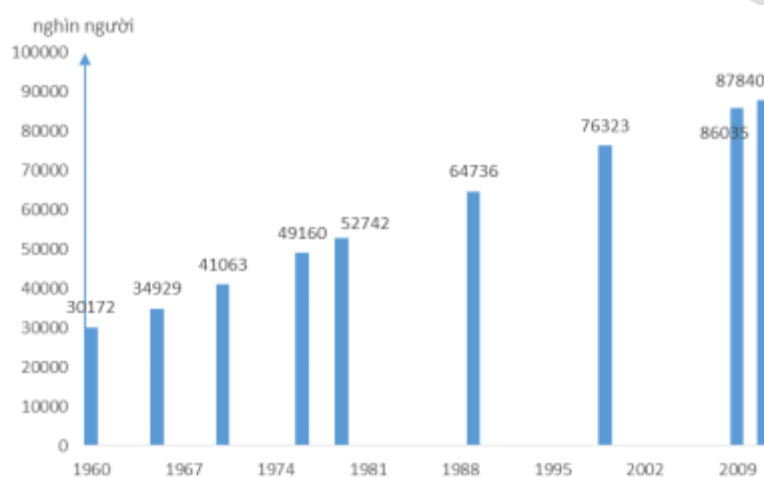
Năm	1960	1965	1970	1976	1979	1989	1999	2009	2011
Số dân	30172	34929	41063	49160	52742	64736	76323	86035	87840

a) Vẽ biểu đồ thể hiện dân số nước ta, giai đoạn 1960-2011.

b) Qua biểu đồ hãy nhận xét sự phát triển dân số nước ta, giai đoạn 1960-2011.

**Lời giải:**

a)



b) Nhận xét:

- Nước ta có dân số đông, năm 2011 là 87840 nghìn người.
- Trong giai đoạn 1960-2011, dân số nước ta tăng nhanh, tăng liên tục, tăng từ 30172 nghìn người (năm 1960) lên là 87840 nghìn người (2011), tăng gấp 2,9 lần so với năm 1960.

## 2. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9

### 2.1. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 1

**TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM**

**ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2021 - 2022**

**Môn: Địa lí 9**



## I. Trắc nghiệm

Câu 1. Dân tộc Việt chiếm khoảng:

- a. 85% Dân số cả nước
- b. 86% Dân số cả nước
- c. 87% Dân số cả nước
- d. 97% Dân số cả nước

Câu 2. Việt Nam đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số.

- a. Từ 1945 trở về trước
- b. Từ 1945 – 1954
- c. Từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX
- d. Từ năm 2000 đến nay

Câu 3. Tại sao những năm 50 của thế kỷ XX tỷ lệ gia tăng dân số cao nhưng tổng dân số vẫn thấp.

- a. Tỷ lệ tử nhiều
- b. Do y tế chậm phát triển
- c. Do quy mô dân số thấp
- d. Nền kinh tế chưa phát triển

Câu 4. Tại sao trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh?

- a. Tỷ lệ tử thấp
- b. Nền kinh tế phát triển nhanh
- c. Quy mô dân số đông
- d. Sự tiến bộ của y tế

Câu 5. Dân số đông và tăng nhanh để lại hậu quả gì đối với nước ta.

- a. Giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới gặp khó khăn.
- b. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, tài nguyên, môi trường.

c. Tài nguyên bị cạn kiệt, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh.

d. Phân bố dân cư không đồng đều.

Câu 6. Phân theo cơ cấu lãnh thổ, nguồn lao động nước ta chủ yếu phân bố ở:

a. Thành thị

b. Nông thôn

c. Vùng núi cao

d. Hải đảo

Câu 7. Biểu hiện không hợp lí về ý nghĩa của công tác thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta:

a. Chống úng, lụt trong mùa mưa bão và cung cấp nước tưới trong thời kì khô hạn.

b. Chủ động nước tưới để mở rộng diện tích canh tác.

c. Chủ động nước tưới sẽ tăng vụ gieo trồng, tăng năng suất.

d. Thủy lợi chỉ được áp dụng ở đồng bằng.

Câu 8. Một số ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta đang sử dụng các tài nguyên tự nhiên trong nước như:

a. Khai thác nhiên liệu, điện, vật liệu xây dựng.

b. Cơ khí điện tử

c. Dệt may

d. Hóa chất

Câu 9. Tài nguyên thiên nhiên có vai trò như thế nào đối với phát triển và phân bố công nghiệp.

a. Quyết định

b. Tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành

c. Là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm

d. B và c đúng.

Câu 10. Dựa vào Atlas Địa lí VN (Trang 19), cho biết cây Cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng

- a. Vùng Bắc Trung Bộ
- b. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ
- c. Tây nguyên
- d. Đông Nam Bộ

## II. Tự luận

Câu 1: Dựa vào kiến thức Địa lí 9 đã học và hiểu biết của bản thân:

- a. Em hãy nêu các hoạt động dịch vụ ở hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của nước ta (1 điểm)

Thành phố	Các hoạt động dịch vụ
HÀ NỘI	.....
HỒ CHÍ MINH	.....

- b. Tại sao các hoạt động dịch vụ lại phát triển ở các thành phố lớn?

## ĐÁP ÁN

### I. Trắc nghiệm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
a	c	c	c	b	b	d	a	b	c

### II. Tự luận

Câu 1

- a. Các hoạt động dịch vụ ở hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của nước ta ( 2 điểm )

Thành phố	Các hoạt động dịch vụ
HÀ NỘI	Các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện chuyên khoa hàng đầu Là đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn của nước ta Là trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn

	Các dịch vụ khác: quảng cáo, bảo hiểm, tư vấn, văn hóa, nghệ thuật... phát triển mạnh
TP. HỒ CHÍ MINH	Các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện chuyên khoa hàng đầu Là đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn của nước ta Là trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn Các dịch vụ khác: quảng cáo, bảo hiểm, tư vấn, văn hóa, nghệ thuật... phát triển mạnh

b. Các hoạt động dịch vụ phát triển mạnh ở các thành phố lớn vì (mỗi ý 0,25đ)

- Dân cư tập trung đông và kinh tế phát triển mạnh
- Vị trí thuận lợi, giao thông vận tải phát triển
- Có thu nhập bình quân đầu người cao
- Ở các thành phố có nhiều chợ lớn, trung tâm thương mại,...

## 2.2. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 2

### TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

#### ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 9

#### I. Trắc nghiệm

Câu 1. Ý nào không thuộc thế mạnh kinh tế của vùng trung du miền núi Bắc Bộ

- a. Trồng cây lương thực và chăn nuôi gia cầm
- b. Trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả cận nhiệt
- c. Khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện
- d. Trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn

Câu 2. Con sông có 2 nhà máy thủy điện lớn nhất nước ta là

- a. Sông Đồng Nai
- b. Sông Chảy
- c. Sông Xê Xan
- d. Sông Đà

Câu 3. Những khó khăn cơ bản nhất trong sản xuất nông nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ.

- a. Đồng bằng hẹp, đất đai kém màu mỡ, nhiều thiên tai
- b. Thiếu nguồn lao động
- c. Giao thông đi lại khó khăn
- d. Thị trường tiêu thụ không ổn định

Câu 14. Loại khoáng sản nào có trữ lượng lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ

- a. Thiếc b. Dầu mỏ c. Sắt d. Than đá

Câu 5. Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam (trang 23) cảng biển nào sau đây thuộc duyên hải Nam Trung Bộ

- a. Cảng Chân Mây
- b. Cảng Vũng tàu
- c. Cảng Quy Nhơn
- d. Cảng Vũng Áng

Câu 6. Trong các di sản phi vật thể được UNESCO công nhận di sản nào của Tây Nguyên

- a. Ca trù
- b. Nhã nhạc cung đình Huế
- c. Đờn ca tài tử
- d. Không gian văn hóa Cồng chiêng

Câu 7. So với các vùng khác đồng bằng Sông Hồng là vùng có

- a. Sản lượng lúa cao nhất
- b. Năng suất lúa cao nhất

c. Bình quân lương thực đầu người cao nhất

d. Xuất khẩu gạo nhiều nhất.

Câu 8. Muốn phát triển bền vững cây công nghiệp lâu năm ở hai vùng TD&MNBB, với Tây Nguyên cần chú ý:

a. Không huỷ diệt rừng để trồng cây công nghiệp.

b. Phải ổn định và phát triển xã hội.

c. Phải bảo vệ nguồn nước khỏi cạn kiệt.

d. Phải gìn giữ sự cân bằng sinh thái, áp dụng khoa học kỹ thuật để có giống cây tốt, sản lượng nhiều và chất lượng cao, có lợi cho xuất khẩu.

Câu 9. Hướng phát triển sản xuất nông nghiệp ở vùng ĐBSH chủ yếu thâm canh tăng vụ là vì:

a. Đất nông nghiệp bình quân đầu người ở đây rất thấp.

b. Thời tiết thất thường, có mùa đông lạnh.

c. Đất đai màu mỡ.

d. Thị trường xuất khẩu nông sản lớn

Câu 10. Thành phố nào được mệnh danh là thành phố gang thép

a. Thái Nguyên b. Việt Trì c. Phú Thọ d. Lạng Sơn

## II. Tự luận

**Câu 1:** Dựa vào bảng 4.2: Cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta qua các năm.

Năm	2000	2004	2006	2010
Thành phần				
Tổng số	100	100	100	100
Khu vực Nhà nước	9,3	9,9	9,1	10,4
Các khu vực khác	90,7	90,1	90,9	89,6

Nhận xét về sự thay đổi trong cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta và ý nghĩa của sự thay đổi đó.

## ĐÁP ÁN

### I. Trắc Nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
a	d	a	c	c	d	b	d	a	a

### II. Tự luận

#### Câu 1:

\* Nhận xét:

Cơ cấu sử dụng lao động của nước ta có sự chênh lệch và đang có sự chuyển biến:

- Phần lớn lao động tập trung vào khu vực kinh tế ngoài nhà nước: chiếm tới 89,6% (năm 2010), trong khi khu vực nhà nước chỉ chiếm 10,4%.

- Trong thời kì trên cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta thay đổi theo hướng:

+ Tỷ lệ lao động của khu vực Nhà nước tăng nhưng không ổn định: 2000 – 2004 tăng 0,6%; 2004 – 2006 giảm 0,5%; 2005 – 2010 tăng 1,3%. Cả giai đoạn tăng 1,1%.

+ Tỷ lệ lao động của các khu vực kinh tế khác giảm dần nhưng không ổn định và giảm đi 1,1%.

\* Ý nghĩa:

- Phát huy ngày càng tốt hơn các thành phần kinh tế, các nguồn lực ở trong và ngoài nước.

- Tạo điều kiện sử dụng hợp lí nguồn lao động, góp phần giải quyết việc làm.

- Khẳng định nền kinh tế nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần, tạo sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Tuy vậy, nền kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.

### 2.3. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 3

**TRƯỜNG THCS LÊ LỢI**  
**ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2021 - 2022**

**Môn: Địa lí 9**

#### **I. Trắc nghiệm**

**Câu 1:** Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh:

- A. Tương đối thấp
- B. Trung bình
- C. Cao
- D. Rất cao

**Câu 2:** Sự gia tăng dân số nước ta hiện nay không có đặc điểm:

- A. Tỉ lệ sinh tương đối thấp và đang giảm chậm
- B. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số khác nhau giữa các vùng.
- C. Mỗi năm dân số nước ta tăng lên khoảng một triệu người.
- D. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên ở đồng bằng cao hơn ở miền núi và nông thôn.

**Câu 3:** Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta chấm dứt trong khoảng thời gian nào?

- A. Những năm cuối thế kỉ XIX.
- B. Những năm cuối thế kỉ XX.
- C. Những năm đầu thế kỉ XIX.
- D. Những năm đầu thế kỉ XX.

**Câu 4:** Dân số thành thị tăng nhanh, không phải vì:

- A. Gia tăng tự nhiên cao
- B. Do di dân vào thành thị
- C. Do tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ



D. Nhiều đô thị mới hình thành

**Câu 5:** Nước ta có cơ cấu dân số:

A. Cơ cấu dân số trẻ.

B. Cơ cấu dân số già.

C. Cơ cấu dân số ổn định.

D. Cơ cấu dân số phát triển.

**Câu 6:** Dân số ở nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi đặt ra những vấn đề cấp bách nào?

A. Xây dựng các nhà dưỡng lão, các khu dân trí.

B. Văn hóa, y tế, giáo dục và giải quyết việc làm trong tương lai.

C. Giải quyết việc làm, vấn đề xã hội, an ninh.

D. Các vấn đề trật tự an ninh và các vấn đề văn hóa, giáo dục.

**Câu 7:** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:

A. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

B. Môi Trường, chất lượng cuộc sống.

C. Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

D. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**Câu 8:** Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là:

A. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.

C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng.

D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 9:** Trên thế giới, nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số:

A. Thấp

B. Trung bình

- C. Cao  
D. Rất cao

**Câu 10:** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, sống thưa thớt ở:

- A. Ven biển  
B. Miền núi  
C. Đồng bằng  
D. Đô thị

## II. Tự luận

Câu 1: Dựa vào kiến thức Địa Lí 9 đã học và hiểu biết của bản thân:

a. Em hãy nêu các hoạt động dịch vụ ở hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của nước ta (1 điểm)

Thành phố	Các hoạt động dịch vụ
HÀ NỘI	.....
HỒ CHÍ MINH	.....

b. Tại sao các hoạt động dịch vụ lại phát triển ở các thành phố lớn?

## ĐÁP ÁN

### I. Trắc nghiệm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	D	D	A	D	B	D	A	C	B

### II. Tự luận

Câu 1

a. Các hoạt động dịch vụ ở hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của nước ta ( 2 điểm )

Thành phố	Các hoạt động dịch vụ

HÀ NỘI	<p>Các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện chuyên khoa hàng đầu</p> <p>Là đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn của nước ta</p> <p>Là trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn</p> <p>Các dịch vụ khác: quảng cáo, bảo hiểm, tư vấn, văn hóa, nghệ thuật... phát triển mạnh</p>
TP. HỒ CHÍ MINH	<p>Các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện chuyên khoa hàng đầu</p> <p>Là đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn của nước ta</p> <p>Là trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn</p> <p>Các dịch vụ khác: quảng cáo, bảo hiểm, tư vấn, văn hóa, nghệ thuật... phát triển mạnh</p>

b. Các hoạt động dịch vụ phát triển mạnh ở các thành phố lớn vì (mỗi ý 0,25đ)

- Dân cư tập trung đông và kinh tế phát triển mạnh
- Vị trí thuận lợi, giao thông vận tải phát triển
- Có thu nhập bình quân đầu người cao
- Ở các thành phố có nhiều chợ lớn, trung tâm thương mại,...

## 2.4. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 4

**TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN**

**ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2021 - 2022**

**Môn: Địa lí 9**

### I. Trắc nghiệm

**Câu 1:** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, tập trung đông đúc ở các vùng nào?

- A. Hải đảo
- B. Miền núi

- C. Trung du
- D. Đồng bằng

**Câu 2:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta đang diễn ra ở mức độ:

- A. Rất thấp
- B. Thấp
- C. Trung bình
- D. Cao

**Câu 3:** Các đô thị ở nước ta phần lớn có quy mô:

- A. Vừa và nhỏ
- B. Vừa
- C. Lớn
- D. Rất Lớn

**Câu 4:** Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng:

- A. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng.
- B. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.
- C. Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm.
- D. Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**Câu 5:** Nguyên nhân của đô thị hóa ở nước ta là do:

- A. Di dân tự do từ nông thôn lên thành phố.
- B. Tác động của thiên tai, bão lũ, triều cường.
- C. Hệ quả của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa
- D. Nước ta là nước chủ yếu trồng lúa nước.

**Câu 6:** Quần cư thành thị là khu vực phát triển ngành:

- A. Công nghiệp, nông nghiệp.

- B. Công nghiệp, dịch vụ.
- C. Nông nghiệp, dịch vụ.
- D. Tất cả các ngành đều phát triển.

**Câu 7:** Vùng Đồng Bằng Sông Hồng có diện tích:  $15000\text{km}^2$ , dân số: 20,7 triệu người (Năm 2016).  
Vậy, mật độ dân số của vùng là:

- A. 13 người/ $\text{km}^2$
- B. 138 người/ $\text{km}^2$
- C. 1380 người/ $\text{km}^2$
- D. 13800 người/ $\text{km}^2$

**Câu 8:** Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lao động nước ta:

- A. Dồi dào, tăng nhanh
- B. Tăng chậm
- C. Hầu như không tăng
- D. Dồi dào, tăng chậm

**Câu 9:** Thế mạnh của lao động Việt Nam là:

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp.
- B. Có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật.
- C. Chất lượng nguồn lao động đang được cải thiện.
- D. Cả A, B, C, đều đúng.

**Câu 10:** Mỗi năm bình quân nguồn lao động nước ta có thêm:

- A. 0,5 triệu lao động
- B. 0,7 triệu lao động
- C. Hơn 1 triệu lao động
- D. gần hai triệu lao động

## II. Tự luận

Dựa vào bảng 4.3: Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi ở nước ta và các vùng, năm 2011 (đơn vị %)

	Tỷ lệ thất nghiệp		Tỷ lệ thiếu việc làm	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Cả nước				
ĐB Sông Hồng				
ĐB Sông Cửu Long				

Nhận xét tình hình thất nghiệp và thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn của cả nước, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

## ĐÁP ÁN

### I. Trắc nghiệm

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>
<b>D</b>	<b>B</b>	<b>A</b>	<b>A</b>	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>C</b>

### II. Tự luận

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị thường cao hơn nông thôn kể cả trên phạm vi toàn quốc cũng như ở Đồng bằng sông Hồng (3,41% so với 1,41%) và Đồng bằng sông Cửu Long (3,37% so với 2,59%).
- Tỷ lệ thiếu việc làm thì ngược lại nông thôn cao hơn thành thị. Ở Đồng bằng sông Hồng (3,9% so với 1,46%) và Đồng bằng sông Cửu Long (5,39% so với 2,83%).
- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị của Đồng bằng sông Hồng cao hơn so với Đồng bằng sông Cửu Long nhưng ở nông thôn lại thấp hơn.
- Tỷ lệ thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn của Đồng bằng sông Hồng đều thấp hơn so với Đồng bằng sông Cửu Long.

## 2.5. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 5

### TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

**ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9****Năm học 2021 - 2022****Môn: Địa lí 9****I. Trắc nghiệm****Câu 1:** Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lao động nước ta:

- A. Dồi dào, tăng nhanh
- B. Tăng chậm
- C. Hầu như không tăng
- D. Dồi dào, tăng chậm

**Câu 2:** Thế mạnh của lao động Việt Nam là:

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp.
- B. Có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật.
- C. Chất lượng nguồn lao động đang được cải thiện.
- D. Cả A, B, C, đều đúng.

**Câu 3:** Mỗi năm bình quân nguồn lao động nước ta có thêm:

- A. 0,5 triệu lao động
- B. 0,7 triệu lao động
- C. Hơn 1 triệu lao động
- D. gần hai triệu lao động

**Câu 4:** Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:

- A. Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động.
- B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.
- C. Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật.

**Câu 5:** Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng:

- A. Giảm tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp, tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tăng.
- B. Tăng tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp, tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ giảm.
- C. Giảm tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp và công nghiệp, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng.
- D. Tăng tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp và công nghiệp, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng.

**Câu 6:** Để giải quyết vấn đề việc làm không cần có biện pháp nào?

- A. Phân bố lại dân cư và lao động.
- B. Đa dạng các hoạt động kinh tế ở nông thôn.
- C. Đa dạng các loại hình đào tạo.
- D. Chuyển hết lao động nông thôn xuống thành thị.

**Câu 7:** Trên thế giới, nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số:

- A. Thấp
- B. Trung bình
- C. Cao
- D. Rất cao

**Câu 8:** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, sống thưa thớt ở:

- A. Ven biển
- B. Miền núi
- C. Đồng bằng
- D. Đô thị

**Câu 9:** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, tập trung đông đúc ở các vùng nào?

- A. Hải đảo
- B. Miền núi
- C. Trung du
- D. Đồng bằng



**Câu 10:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta đang diễn ra ở mức độ:

- A. Rất thấp
- B. Thấp
- C. Trung bình
- D. Cao

## II. Tự Luận

Dựa vào bảng Tỷ lệ hộ nghèo phân theo thành thị, nông thôn và phân theo vùng ở nước ta, năm 2008 (đơn vị %)

Khu vực	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	ĐNB	ĐBSCL
Tỷ lệ hộ nghèo	16	3,9	20,4	3,8	10,3

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện tỷ lệ hộ nghèo của cả nước, thành thị, nông thôn, của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Qua biểu đồ nhận xét sự chênh lệch về tỷ lệ hộ nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

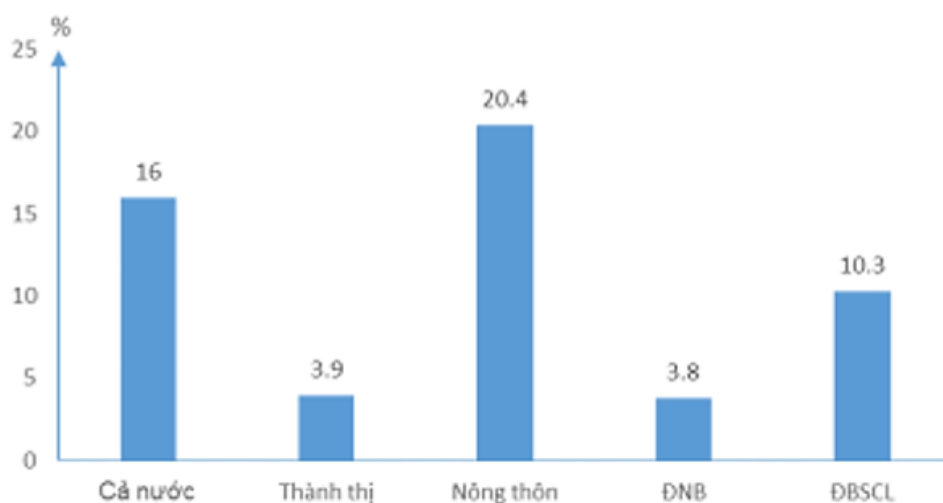
## ĐÁP ÁN

### I. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	D	C	A	A	D	C	B	D	B

### II. Tự luận

- a) Vẽ biểu đồ



**BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỈ LỆ HỘ NGHÈO CỦA CẢ NƯỚC, THÀNH THỊ, NÔNG THÔN, CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

b)

Tỉ lệ hộ nghèo của nước ta có sự khác nhau giữa các vùng:

- Giữa thành thị và nông thôn: Nông thôn có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn thành phố, năm 2008, tỉ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn là 20,4% còn thành thị là 3,9%.
- Giữa Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long: Đông Nam bộ thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long, năm 2008, tỉ lệ hộ nghèo ở khu vực Đông Nam Bộ là 3,8%, Đồng bằng sông Cửu Long là 10,3%.

## 2.6. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 6

**TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN**

**ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2021 - 2022**

**Môn: Địa lí 9**

### I. Trắc nghiệm

**Câu 1: Công nghiệp khai thác dầu mỏ nước ta tập trung ở: (0,5 điểm)**

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ
- B. Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa

C. Duyên hải ven biển miền Trung

D. Đông Nam Bộ

**Câu 2: Loại khoáng sản vừa là nguyên liệu vừa là nhiên liệu cho một số ngành khác là: (0,5 điểm)**

A. Mangan, Crôm      B. Than đá, dầu khí

C. Apatit, pirit      D. Crôm, pirit

**Câu 3: Hoạt động dịch vụ ở các thành phố lớn phát triển hơn vùng nông thôn do: (0,5 điểm)**

A. Dân cư tập trung đông, kinh tế phát triển

B. Giao thông vận tải, bưu chính phát triển

C. Thu nhập bình quân đầu người cao

D. Có nhiều siêu thị, trung tâm thương mại

**Câu 4: Quốc lộ 1A là quốc lộ: (0,5 điểm)**

A. Chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

B. Chạy từ Lạng Sơn đến TP. Hồ Chí Minh.

C. Chạy từ Hà Giang đến Cà Mau.

D. Chạy từ Hà Giang đến Hà Nội.

**Câu 5: Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở nước ta là: (0,5 điểm)**

A. Vườn quốc gia Xuân Sơn

B. Vườn quốc gia Cúc Phương

C. Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng

D. Vườn quốc gia U Minh Hạ

**Câu 6: Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc di sản phi vật thể? (0,5 điểm)**

A. Phong Nha – Kẻ Bàng, Thánh Địa Mỹ Sơn.

B. Phố cổ Hội An, Thánh Địa Mỹ Sơn.

C. Cồng chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

D. Dân ca Quan họ, Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh.

**Câu 7: Nước ta chủ yếu xuất khẩu: (0,5 điểm)**

- A. Lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng
- B. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản
- C. Hàng nông, lâm, thủy sản đã chế biến
- D. Máy móc thiết bị, nguyên liệu và nhiên liệu

**Câu 8: Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào là tài nguyên du lịch thiên nhiên? (0,5 điểm)**

- A. Các công trình kiến trúc
- B. Các lễ hội truyền thống
- C. Các vườn quốc gia
- D. Văn hóa dân gian

### Phần tự luận

**Câu 1: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam, cho biết các nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW của nước ta? (3 điểm)**

**Câu 2: Cho bảng số liệu: (3 điểm)**

**CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)**

Năm	1990	2002
Cây Lương thực	71,6	64,8
Cây Công nghiệp	13,3	18,2
Cây TP, ăn quả, cây khác	15,1	17,0
Tổng	100	100

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

### ĐÁP ÁN

**Câu 1:** (0,5 điểm)

Trả lời: Thềm lục địa phía nam là nơi tập trung nhiều dầu mỏ nên Đông Nam Bộ là vùng có ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ phát triển.

Chọn: D

**Câu 2:** (0,5 điểm)

Trả lời: Than đá và dầu khí là hai loại khoáng sản vừa là nguyên liệu vừa là nhiên liệu cho một số ngành khác. Trong đó quan trọng như ngành điện lực, giao thông vận tải, phân bón...

Đáp án: B.

**Câu 3:** (0,5 điểm)

Trả lời: Phân bố dân cư và sự phát triển sản xuất có ảnh hưởng lớn đến các hoạt động dịch vụ. Dân cư tập trung đông ở các thành phố lớn, thị xã, khu công nghiệp nên hoạt động dịch vụ tập trung nhiều nhất. Nông thôn là nơi thưa dân hơn nên hoạt động dịch vụ phát triển ít hơn.

Đáp án: A.

**Câu 4:** (0,5 điểm)

Trả lời: Quốc lộ 1A là quốc lộ chạy từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến Đất Mũi (Cà Mau).

Đáp án: D.

**Câu 5:** (0,5 điểm)

Trả lời: Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận. Vườn quốc gia bao gồm các cao nguyên đá vôi và rừng nhiệt đới. Bao gồm các đa dạng địa lý tuyệt vời, nhiều hang động và sông ngầm, vườn quốc gia có một hệ sinh thái phong phú cùng nhiều loài sinh vật đa dạng.

Đáp án: C.

**Câu 6:** (0,5 điểm)

Trả lời: Di sản phi vật thể là các sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết và được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác. Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản phi vật thể là: Dân ca Quan họ, Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh.

Đáp án: D.

**Câu 7:** (0,5 điểm)

Trả lời: Nước ta chủ yếu nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu và nhiên liệu còn lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng rất nhỏ.

Đáp án: D.

**Câu 8:** (0,5 điểm)

Trả lời: Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm phong cảnh, các bãi tắm đẹp, khí hậu tốt, các vườn quốc gia, các thú quý hiếm,...

Đáp án: C.

**Phần tự luận**

**Câu 1:** (3 điểm)

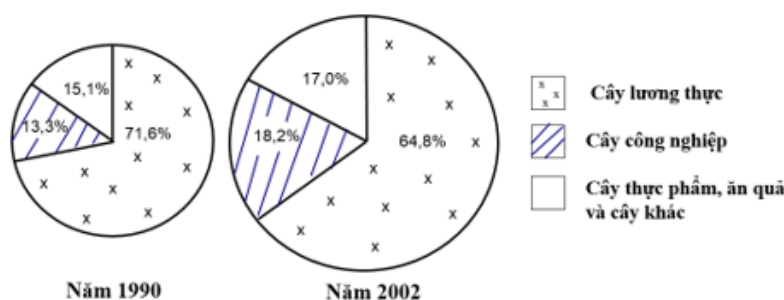
Hướng dẫn giải: Các nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW của nước ta là nhà máy nhiệt điện Phả Lại (Hải Dương), Phú Mỹ (Bà Rịa – Vũng Tàu) và Cà Mau (Cà Mau).

**Câu 2:** (3 điểm)

Hướng dẫn giải:

- Vẽ biểu đồ:

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÁC NHÓM CÂY NĂM 1990 VÀ 2002**



- Nhận xét:

+ Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002 không đồng đều và có sự chuyển dịch.

+ Cây Lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất có xu hướng giảm (dẫn chứng).

+ Cây Công nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng mạnh (dẫn chứng).

+ Cây thực phẩm, ăn quả, các loài cây khác chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng (dẫn chứng).

## 2.7. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 7

TRƯỜNG THCS XUÂN NGỌC

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 9

**Câu 1:** Ngành công nghiệp khai khoáng và thủy điện phát triển nhất nước ta thuộc vùng: (0,5 điểm)

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2:** Các nguồn tài nguyên khoáng sản như sắt, mangan, crom, chì, kẽm,... là nguyên liệu cho ngành công nghiệp: (0,5 điểm)

A. Công nghiệp chế biến thực phẩm

B. Công nghiệp luyện kim màu

C. Công nghiệp năng lượng, hóa chất

D. Công nghiệp vật liệu xây dựng

**Câu 3:** Các hoạt động dịch vụ tập trung nhiều nhất ở đâu? (0,5 điểm)

A. Các vùng duyên hải ven biển.

- B. Các cao nguyên đất đỏ ba dan.
- C. Các thành phố lớn, khu công nghiệp.
- D. Các đồng bằng phù sa màu mỡ.

**Câu 4: Tuyên đường nào sau đây đi qua 6/7 vùng kinh tế của nước ta: (0,5 điểm)**

- A. Đường sắt Thống Nhất và đường 279.
- B. Quốc lộ 1A và Đường Hồ Chí Minh.
- C. Đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 1A.
- D. Đường sắt Thống Nhất và quốc lộ 1A.

**Câu 5: Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở nước ta là: (0,5 điểm)**

- A. Vịnh Hạ Long
- B. Vườn quốc gia Cúc Phương.
- C. Thành phố Đà Lạt
- D. Vườn quốc gia U Minh Hạ.

**Câu 6: Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ? (0,5 điểm)**

- A. Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long.
- B. Phố cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn.
- C. Phong Nha – Kẻ Bàng, di tích Mỹ Sơn.
- D. Cồng chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

**Câu 7: Nước ta chủ yếu nhập khẩu: (0,5 điểm)**

- A. Máy móc thiết bị, nguyên liệu và nhiên liệu
- B. Lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng
- C. Hàng nông, lâm, thủy sản
- D. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản



**Câu 8:** Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào là tài nguyên du lịch thiên nhiên? (0,5 điểm)

- A. Các công trình kiến trúc
- B. Các lễ hội truyền thống
- C. Văn hóa dân gian
- D. Các bãi tắm đẹp

**Phần tự luận**

**Câu 1:** Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam, cho biết các trung tâm dệt may lớn nhất của nước ta? (3 điểm)

**Câu 2:** Cho bảng số liệu: (3 điểm)

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)

Năm	1990	2002
Cây Lương thực	71,6	64,8
Cây Công nghiệp	13,3	18,2
Cây TP, ăn quả, cây khác	15,1	17,0
Tổng	100	100

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.
- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1:** (0,5 điểm)

Trả lời: Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn tài nguyên khoáng sản lớn: than, apatit, sắt,... và tiềm năng thủy điện lớn.

Chọn: A

**Câu 2:** (0,5 điểm)

Trả lời: Các nguồn tài nguyên khoáng sản như sắt, mangan, crom, chì, kẽm,... là nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim đen và công nghiệp luyện kim màu.

Đáp án: B.

**Câu 3:** (0,5 điểm)

Trả lời: Phân bố dân cư và sự phát triển sản xuất có ảnh hưởng lớn đến các hoạt động dịch vụ. Dân cư tập trung đông ở các thành phố lớn, thị xã, khu công nghiệp nên hoạt động dịch vụ tập trung nhiều nhất.

Đáp án: A.

**Câu 4:** (0,5 điểm)

Trả lời: Đường sắt Thống Nhất và quốc lộ 1A là hai tuyến đường giao thông huyết mạch ở nước ta đi qua 6/7 vùng kinh tế của đất nước (không qua vùng Tây Nguyên).

Đáp án: D.

**Câu 5:** (0,5 điểm)

Trả lời: Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận. Vườn quốc gia bao gồm các cao nguyên đá vôi và rừng nhiệt đới. Bao gồm các đa dạng địa lý tuyệt vời, nhiều hang động và sông ngầm, vườn quốc gia có một hệ sinh thái phong phú cùng nhiều loài sinh vật đa dạng.

Đáp án: A.

**Câu 6:** (0,5 điểm)

Trả lời: Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn. Vì Cố đô Huế, Phong Nha – Kẻ Bàng ở Bắc Trung Bộ; Hạ Long ở Trung du miền núi phía Bắc. Cồng chiêng Tây Nguyên ở Tây Nguyên.

Đáp án: B.

**Câu 7:** (0,5 điểm)

Trả lời: Nước ta chủ yếu nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu và nhiên liệu còn lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng rất nhỏ.

Đáp án: A.

**Câu 8:** (0,5 điểm)

Trả lời: Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm phong cảnh, các bãi tắm đẹp, khí hậu tốt, các vườn quốc gia, các thú quý hiếm,...

Đáp án: D.

### Phản tự luận

**Câu 1:** (3 điểm)

Hướng dẫn giải: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam, trang 22 – Các ngành công nghiệp trọng điểm.

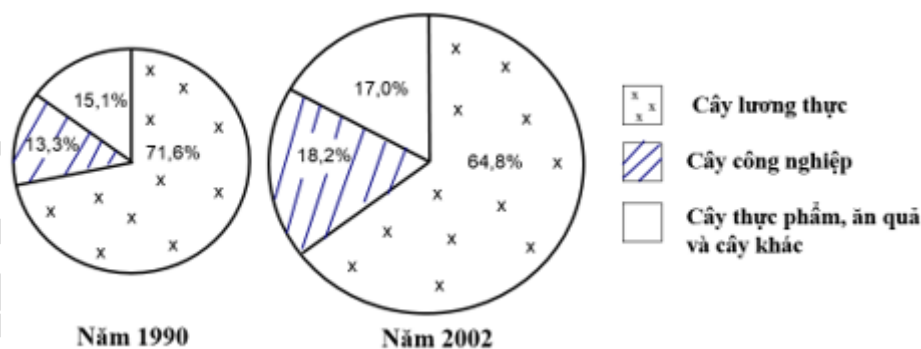
Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định là các trung tâm công nghiệp dệt may lớn nhất của nước ta hiện nay.

**Câu 2:** (3 điểm)

Hướng dẫn giải:

- Vẽ biểu đồ:

### BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÁC NHÓM CÂY NĂM 1990 VÀ 2002



- Nhận xét:

+ Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002 không đồng đều và có sự chuyển dịch.

+ Cây Lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất có xu hướng giảm (dẫn chứng).

- + Cây Công nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng mạnh (dẫn chứng).
- + Cây thực phẩm, ăn quả, các loài cây khác chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng (dẫn chứng).

## 2.8. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 8

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 9

**Câu 1:** Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Tây Nguyên là: (0,5 điểm)

- A. Khai thác than
- B. Hoá dầu
- C. Nhiệt điện
- D. Thủy điện

**Câu 2:** Các nguồn tài nguyên khoáng sản như apatit, pirit, photphorit,... là nguyên liệu cho ngành công nghiệp: (0,5 điểm)

- A. Công nghiệp năng lượng
- B. Công nghiệp luyện kim màu
- C. Công nghiệp hóa chất
- D. Công nghiệp vật liệu xây dựng

**Câu 3:** Một bác sĩ mở phòng mạch tư thuộc loại hình dịch vụ nào? (0,5 điểm)

- A. Dịch vụ sản xuất
- B. Dịch vụ tiêu dùng
- C. Dịch vụ công cộng
- D. Không thuộc loại hình nào

**Câu 4:** Đường sắt Thống Nhất nối liền tỉnh thành nào sau đây? (0,5 điểm)

- A. Hà Nội – Hải Phòng.
- B. Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh.
- C. Hà Nội – Lào Cai.

D. Hà Nội – Huế.

**Câu 5: Di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận ở nước ta là: (0,5 điểm)**

A. Vịnh Hạ Long

B. Quần thể chùa Bái Đính.

C. Hoàng Thành Thăng Long

D. Vườn quốc gia U Minh Hạ.

**Câu 6: Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc di sản vật thể? (0,5 điểm)**

A. Phong Nha – Kẻ Bàng, Thánh Địa Mỹ Sơn.

B. Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ, Ca trù.

C. Công chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

D. Quần thể di tích Cố đô Huế, phố cổ Hội An.

**Câu 7: Nước ta chủ yếu buôn bán với thị trường: (0,5 điểm)**

A. Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc

B. Liên Bang Nga, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc

C. Trung Quốc, Hàn Quốc, Bắc Mỹ, Châu Phi

D. Bắc Mỹ, Châu Phi, Hàn Quốc, Bắc Á.

**Câu 8: Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào không phải là tài nguyên du lịch nhân văn? (0,5 điểm)**

A. Các công trình kiến trúc

B. Các vườn quốc gia

C. Văn hóa dân gian

D. Các di tích lịch sử

**Phần tự luận**

**Câu 1:** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, kể tên 3 trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lớn của nước ta hiện nay. (3 điểm)

**Câu 2:** Cho bảng số liệu: (3 điểm)

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)

Năm	1990	2002
Cây Lương thực	71,6	64,8
Cây Công nghiệp	13,3	18,2
Cây TP, ăn quả, cây khác	15,1	17,0
Tổng	100	100

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.
- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

**ĐÁP ÁN****Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** (0,5 điểm)

Trả lời: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Tây Nguyên là ngành công nghiệp năng lượng thủy điện do có nguồn thủy năng dồi dào trên các sông, với một số nhà máy thủy điện lớn như Yaly, Xê Xan 3, Xê Xan 3A, Xê Xan 4, Dray Hling,...

Đáp án: D.

**Câu 2:** (0,5 điểm)

Trả lời: Các nguồn tài nguyên khoáng sản như apatit, pirit, photphorit,... là nguyên liệu cho ngành công nghiệp hóa chất.

Đáp án: C.

**Câu 3:** (0,5 điểm)

Trả lời: Một Bác sĩ mở phòng mạch tư thuộc loại hình dịch vụ tiêu dùng.

Đáp án: B.

**Câu 4:** (0,5 điểm)

Trả lời: Đường sắt thống Nhất đi qua nhiều tỉnh thành nối liền Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Đáp án: B.

**Câu 5:** (0,5 điểm)

Trả lời: Hoàng Thành Thăng Long là di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận và là một trong những điểm du lịch sầm uất lớn nhất ở nước ta hiện nay. Hoàng thành Thăng Long được xây dựng vào thế kỷ XI dưới triều nhà Lý ở Việt Nam, đánh dấu nền độc lập của Đại Việt, nơi đây là trung tâm chính trị và quyền lực của Đại Việt trong suốt 13 thế kỷ. Ngày nay, Hoàng thành cùng khu khảo cổ số 18 Hoàng Diệu phản ánh nền văn hóa Đông Nam Á đặc sắc nơi Đồng bằng Sông Hồng, cửa ngõ thông thương giữa Trung Hoa cổ đại và Vương quốc cổ Champa.

Đáp án: C.

**Câu 6:** (0,5 điểm)

Trả lời: Di sản phi vật thể là các sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết và được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác. Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản phi vật thể là: Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ, Ca trù.

Đáp án: B.

**Câu 7:** (0,5 điểm)

Trả lời: Nước ta chủ yếu buôn bán với thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương như: Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ô-xtray-li-a, Đài Loan.

Đáp án: A.

**Câu 8:** (0,5 điểm)

Trả lời: Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, các làng nghề truyền thống, văn hóa dân gian,...

Đáp án: B.

**Phần tự luận****Câu 1:** (3 điểm)

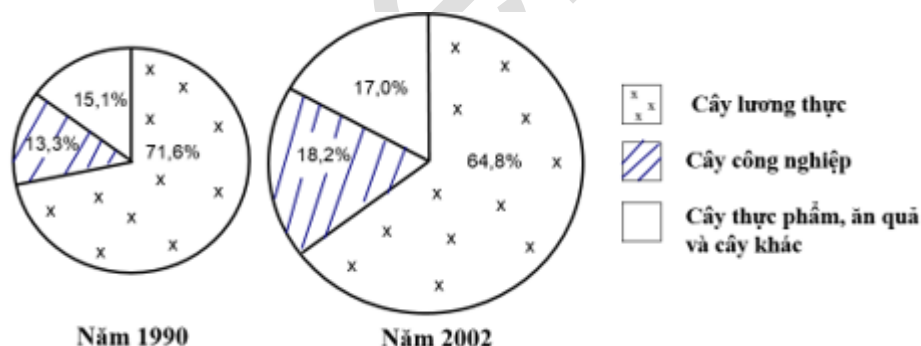
Trả lời: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, trang 22 – các ngành công nghiệp trọng điểm.

Hải Phòng, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Cần Thơ là các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lớn của nước ta hiện nay.

**Câu 2:** (3 điểm)

Hướng dẫn giải:

- Vẽ biểu đồ:

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÁC NHÓM CÂY NĂM 1990 VÀ 2002**

- Nhận xét:

+ Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002 không đồng đều và có sự chuyển dịch.

+ Cây Lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất có xu hướng giảm (dẫn chứng).

+ Cây Công nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng mạnh (dẫn chứng).

+ Cây thực phẩm, ăn quả, các loài cây khác chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng (dẫn chứng).



## 2.9. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 9

TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 9

### Phần trắc nghiệm

**Câu 1:** Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Bà Rịa – Vũng Tàu là: (0,5 điểm)

- A. Than      B. Hoá dầu  
C. Nhiệt điện      D. Thủy điện.

**Câu 2:** Các nguồn tài nguyên khoáng sản như than, dầu, khí là nguyên liệu cho ngành công nghiệp: (0,5 điểm)

- A. Công nghiệp luyện kim đen  
B. Công nghiệp luyện kim màu  
C. Công nghiệp năng lượng, hóa chất  
D. Công nghiệp vật liệu xây dựng

**Câu 3:** Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến sự phân bố ngành dịch vụ? (0,5 điểm)

- A. Vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.  
B. Nền kinh tế phát triển năng động.  
C. Giao thông vận tải phát triển.  
D. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

**Câu 4:** Vùng nào ở nước ta có sân bay quốc tế: (0,5 điểm)

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ  
B. Tây Nguyên  
C. Đồng bằng sông Cửu Long  
D. Bắc Trung Bộ

**Câu 5: Di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận ở nước ta là: (0,5 điểm)**

- A. Phố cổ Hội An      B. Phố cổ Hà Nội.  
C. Thành phố Đà Lạt      D. Phố Hiến.

**Câu 6: Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc di sản phi vật thể? (0,5 điểm)**

- A. Phong Nha – Kẻ Bàng, Thánh Địa Mĩ Sơn.  
B. Nhã nhạc cung đình Huế, Đờn ca tài tử Nam Bộ.  
C. Cồng chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.  
D. Quần thể di tích Cố đô Huế, phố cổ Hội An.

**Câu 7: Nước ta chủ yếu buôn bán với thị trường: (0,5 điểm)**

- A. Liên Bang Nga, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc  
B. Trung Quốc, Hàn Quốc, Bắc Mỹ, Châu Phi  
C. Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc  
D. Bắc Mỹ, Châu Phi, Hàn Quốc, Bắc Á.

**Câu 8: Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào không phải là tài nguyên du lịch nhân văn? (0,5 điểm)**

- A. Các bãi tắm, bãi cát  
B. Các công trình kiến trúc  
C. Văn hóa dân gian  
D. Các di tích lịch sử

### **Phần tự luận**

**Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, kể tên 3 trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng lớn của nước ta hiện nay. (3 điểm)**

**Câu 2: Cho bảng số liệu: (3 điểm)**

**CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)**

Năm	1990	2002
Cây Lương thực	71,6	64,8
Cây Công nghiệp	13,3	18,2
Cây TP, ăn quả, cây khác	15,1	17,0
Tổng	100	100

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

### ĐÁP ÁN

#### Phần trắc nghiệm

##### Câu 1: (0,5 điểm)

Trả lời: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Bà Rịa – Vũng Tàu là nhiệt điện với một số nhà máy nhiệt điện như Phú Mỹ, Bà Rịa nhờ có nguồn cung cấp nguyên liệu từ dầu khí.

Đáp án: C.

##### Câu 2: (0,5 điểm)

Trả lời: Các nguồn tài nguyên khoáng sản như than, dầu, khí là nguyên liệu cho ngành công nghiệp năng lượng và hóa chất.

Đáp án: C.

##### Câu 3: (0,5 điểm)

Trả lời: Sự phân bố dân cư và sự phát triển kinh tế là hai yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ. Dân cư tập trung đông ở các thành phố lớn, thị xã, khu công nghiệp nên hoạt động dịch vụ tập trung nhiều nhất. Nông thôn là nơi thưa dân hơn nên hoạt động dịch vụ phát triển ít hơn.

Đáp án: D.

**Câu 4:** (0,5 điểm)

Trả lời: Các vùng có sân bay quốc tế ở nước ta là: Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

Đáp án: D.

**Câu 5:** (0,5 điểm)

Trả lời: Phố cổ Hội An là di sản văn hóa thế giới được UNSESCO công nhận và là một trong những điểm du lịch sầm uất lớn nhất ở nước ta hiện nay. Phố cổ Hội An là một ví dụ nổi bật cho một cảng thương mại của Đông Nam Á vào thế kỷ XV tới thế kỷ XIX. Các kiến trúc và đường sá của Hội An phản ánh những nét ảnh hưởng của văn hóa bản địa và ngoại quốc đã tạo nên nét độc đáo cho di sản này.

Đáp án: A.

**Câu 6:** (0,5 điểm)

Trả lời: Di sản phi vật thể là các sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết và được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác. Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản phi vật thể là: Dân ca Quan họ, Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh.

Đáp án: B.

**Câu 7:** (0,5 điểm)

Trả lời: Nước ta chủ yếu buôn bán với thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương như: Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ô-xtray-li-a, Đài Loan.

Đáp án: C.

**Câu 8:** (0,5 điểm)

Trả lời: Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, các làng nghề truyền thống, văn hóa dân gian,...

Đáp án: A.

**Phần tự luận****Câu 1:** (3 điểm)

Trả lời: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, trang 22 – các ngành công nghiệp trọng điểm.

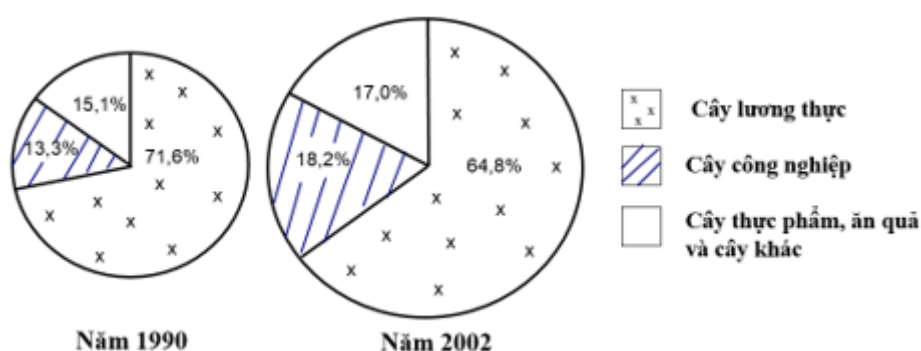
Hải Phòng, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu là các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng lớn của nước ta hiện nay.

**Câu 2: (3 điểm)**

Hướng dẫn giải:

- Vẽ biểu đồ:

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÁC NHÓM CÂY NĂM 1990 VÀ 2002**



- Nhận xét:

+ Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002 không đồng đều và có sự chuyển dịch.

+ Cây Lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất có xu hướng giảm (dẫn chứng).

+ Cây Công nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng mạnh (dẫn chứng).

+ Cây thực phẩm, ăn quả, các loài cây khác chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng (dẫn chứng).

## 2.10. Đề thi giữa HK1 Địa lí 9 số 10

**TRƯỜNG THCS TÂN THẠNH**

**ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2021 - 2022**

**Môn: Địa lí 9**

## I. Trắc nghiệm

**Câu 1:** Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là:

- A. Đất đai
- B. Khí hậu
- C. Nước
- D. Sinh vật

**Câu 2:** Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa và rau trong một năm là nhờ:

- A. Có nhiều diện tích đất phù sa.
- B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Có mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc.
- D. Có nguồn sinh vật phong phú.

**Câu 3:** Khu vực có diện tích đất phù sa lớn nhất nước ta là:

- A. Các vùng trung du và miền núi.
- B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- C. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Các đồng bằng ở duyên hải Miền Trung.

**Câu 4:** Hạn chế của tài nguyên nước ở nước ta là:

- A. Chủ yếu là nước trên mặt, nguồn nước ngầm không có.
- B. Phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.
- C. Phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.
- D. Khó khai thác để phục vụ nông nghiệp vì hệ thống đê ven sông.

**Câu 5:** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì:

- A. Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.
- B. Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

- C. Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.
- D. Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**Câu 6:** Nền nông nghiệp nước ta mang tính mùa vụ vì:

- A. Tài nguyên đất nước ta phong phú, có cả đất phù sa lẫn đất feralit.
- B. Nước ta có thể trồng được các loại cây nhiệt đới đến cây cận nhiệt và ôn đới.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa theo mùa.
- D. Lượng mưa phân bố không đều trong năm.

**Câu 7:** Tài nguyên sinh vật có ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp vì:

- A. Cây trồng và vật nuôi là đối tượng hoạt động của nông nghiệp.
- B. Sinh vật là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông nghiệp.
- C. Đây là nguồn cung cấp hữu cơ để tăng độ phì cho đất.
- D. Thực vật là nguồn thức ăn quan trọng phục vụ chăn nuôi.

**Câu 8:** Thuận lợi của khí hậu mang tính nhiệt đới ẩm nước ta là:

- A. Lượng mưa phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.
- B. Tạo ra sự phân hóa đa dạng giữa các vùng miền của đất nước.
- C. Nguồn nhiệt ẩm dồi dào làm cho sâu, dịch bệnh phát triển.
- D. Tình trạng khô hạn thường xuyên diễn ra vào các mùa khô nóng.

**Câu 9:** Mở rộng thị trường có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp:

- A. Thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.
- B. Thu hẹp sản xuất, chuyên môn hóa sản phẩm nông nghiệp
- C. Tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.
- D. Khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất nông nghiệp.

**Câu 10:** Hiện nay nhà nước đang khuyến khích:

- A. Khai hoang chuyển đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp.

- B. Phát triển một nền nông nghiệp hướng ra xuất khẩu.  
 C. Đưa nông dân vào làm ăn trong các hợp tác xã nông nghiệp.  
 D. Tăng cường độc canh cây lúa nước để đẩy mạnh xuất khẩu gạo.

## II. Tự luận

**Câu 1:** Căn cứ vào bảng 4.1

Bảng 4.1. CƠ CẤU ĐANG LÀM VIỆC TẠI THỜI ĐIỂM 1/7 HÀNG NĂM THEO CÁC NGÀNH KINH TẾ Ở NƯỚC TA, NĂM 2010.

(Đơn vị: %)

	1989	2010
Nông – lâm – ngư nghiệp	71,5	49,5
Công nghiệp – xây dựng	11,2	20,9
Dịch vụ	17,3	29,6

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo các ngành ở nước ta, năm 1989 và năm 2010.  
 b) Căn cứ vào biểu đồ, hãy nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta từ năm 1989 đến năm 2010.

## ĐÁP ÁN

### I. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	B	C	C	B	C	A	B	A	B

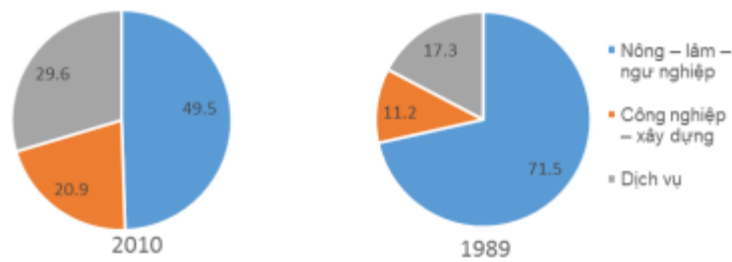
## II. Tự luận

**Câu 1:**

a)



Biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo các ngành ở nước ta, năm 1989 và năm 2010.



b) Nhận xét:

- Lao động nước ta chủ yếu ở khu vực Nông- lâm- ngư nghiệp , năm 2010 lao động trong khu vực nông - lâm- ngư nghiệp là 49,5% lao động cả nước.
- Từ năm 1989 đến năm 2010 tỉ trọng lao động của nước ta có sự thay đổi:
  - + Tăng tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, khu vực công nghiệp 11,2% (1989) lên 20,9%(năm 2010); dịch vụ tăng từ 17,3% (năm 1989) lên 29,6% (năm 2010).
  - + Giảm tỉ trọng lao động trong khu vực nông- lâm- ngư nghiệp từ 71,5%(1989) xuống 49,5% (2010).